

Số: /KH-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sửa đổi, bổ sung một số chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch hành động số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Thực hiện Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sửa đổi, bổ sung một số chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch hành động số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026 với các nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa, tổ chức triển khai kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ được Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao tại Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026.

- Phân công rõ trách nhiệm cho các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và UBND các xã, phường trong tổ chức thực hiện từng chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; làm cơ sở để theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai bảo đảm khẩn trương, quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả; gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị với tiến độ, chất lượng thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Đối với từng nhiệm vụ, phải xác định rõ cơ quan chủ trì, rõ nội dung công việc, rõ sản phẩm, rõ thời hạn hoàn thành, rõ nguồn lực thực hiện; thiết lập cơ chế theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thường xuyên.

- Định kỳ tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

II. CHỈ TIÊU

Căn cứ các chỉ tiêu tại Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch của UBND tỉnh xác định thực hiện 90 chỉ tiêu (*Nội dung chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

III. NHIỆM VỤ

1. Nhiệm vụ thực hiện

Trên cơ sở nhiệm vụ Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao, UBND tỉnh phân công các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh tổ chức thực hiện 86 nhiệm vụ (*Nội dung chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*).

2. Nhiệm vụ dừng thực hiện

Dừng thực hiện 73 nhiệm vụ đã giao cho các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh thực hiện, trong đó gồm:

- 38 nhiệm vụ đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho phép dừng thực hiện tại Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026;

- 35 nhiệm vụ giao tại Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 và Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 18/9/2025 về sửa đổi, bổ sung một số nhiệm vụ tại Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh do không còn phù hợp với yêu cầu thực tiễn (*Nội dung chi tiết tại Phụ lục III kèm theo*).

IV. GIẢI PHÁP

Để tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế số, dữ liệu và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới, ngoài các nhiệm vụ, giải pháp đã được nêu tại Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026, UBND tỉnh yêu cầu các đơn vị nghiên cứu, triển khai một số giải pháp đột phá sau:

1. Xây dựng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với các mô hình kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ dựa trên công nghệ mới (AI, dữ liệu lớn, blockchain, fintech) trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư, tổ chức thử nghiệm trước khi đánh giá, nhân rộng.

2. Hình thành sàn giao dịch, chia sẻ dữ liệu (data marketplace) và kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh trên nền tảng Trung tâm dữ liệu của tỉnh, gắn với cơ chế định giá, khai thác dữ liệu công phục vụ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật, tạo nguồn thu mới cho ngân sách và động lực cho kinh tế số.

3. Nghiên cứu cơ chế tài chính đặc thù (quỹ đầu tư mạo hiểm, hình thức đối tác công tư - PPP, ưu đãi thuế, tín dụng) để thu hút nguồn lực xã hội hóa đầu tư hạ tầng số, trung tâm dữ liệu, doanh nghiệp công nghệ số, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

4. Ưu tiên bố trí quỹ đất, hạ tầng để hình thành khu công nghệ thông tin tập trung/khu công nghệ cao gắn với Khu Kinh tế Nghi Sơn, thu hút các tập đoàn công nghệ, nhà đầu tư chiến lược trong lĩnh vực bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, trung tâm dữ liệu.

5. Xây dựng cơ chế đặc thù về thu hút, đãi ngộ chuyên gia, nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, kể cả hình thức thuê chuyên gia, hợp tác với các viện, trường trong và ngoài nước.

6. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị, điều hành và cung cấp dịch vụ công, ưu tiên các lĩnh vực có tác động trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp (y tế, giáo dục, đất đai, thuế, thủ tục hành chính).

7. Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh thông qua chính sách hỗ trợ chi phí nền tảng số, tư vấn chuyển đổi số, kết nối sàn thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt.

8. Thiết lập bộ chỉ số theo dõi, đánh giá hiệu quả kinh tế số theo thời gian thực trên Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh, làm căn cứ điều chỉnh chính sách kịp thời.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Tổng nhu cầu kinh phí: 9.051.636 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 4.223.000 triệu đồng.

+ Ngân sách tỉnh: 4.828.636 triệu đồng.

- Hằng năm, các sở, ngành, đơn vị được giao chủ trì thực hiện phối hợp với Sở Tài chính tham mưu bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước, bảo đảm tối thiểu 3% tổng chi ngân sách địa phương cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo đúng quy định.

- Đồng thời, tích cực huy động các nguồn lực hợp pháp khác (xã hội hóa, hợp tác công - tư, tài trợ, viện trợ) để bổ sung nguồn lực thực hiện Kế hoạch.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và Đề án 06 (gọi tắt là Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh)

Chỉ đạo, đôn đốc, điều phối chung việc triển khai thực hiện Kế hoạch này và các nhiệm vụ về triển khai thực hiện Đề án 06, cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

2. Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường

- Xây dựng kế hoạch, đề án, dự án của ngành, đơn vị, địa phương để tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được phân công tại các Phụ lục kèm theo Kế hoạch này; trực tiếp chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về tiến độ, chất lượng đối với từng chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

- Phân công cụ thể lãnh đạo phụ trách, đơn vị, phòng, ban chuyên môn chủ trì, công chức trực tiếp tham mưu, theo dõi và tiến độ thực hiện đối với từng chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; xác định cụ thể kết quả, sản phẩm đầu ra và thời

gian hoàn thành theo từng tháng trong giai đoạn 2026-2030, bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ sản phẩm. Bảng phân công chi tiết gửi về Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh trước ngày 20/8/2026 để tổng hợp, theo dõi, đôn đốc chung.

- Chủ động phối hợp với các bộ, ngành Trung ương để triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch của tỉnh, bảo đảm hiệu quả, thống nhất, đồng bộ.

- Định kỳ, trước ngày 15 hằng tháng đối với báo cáo tháng; trước ngày 10/6 đối với báo cáo 06 tháng và trước ngày 10/12 đối với báo cáo năm, gửi báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, chủ động phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ để giải quyết hoặc tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét những nội dung vượt thẩm quyền.

3. Văn phòng UBND tỉnh

Phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan thẩm tra, trình Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án; đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ được giao, bảo đảm đúng quy định hiện hành.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp kết quả của các sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương trong triển khai thực hiện Kế hoạch; báo cáo UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh theo định kỳ (hằng tháng, 06 tháng và hằng năm) hoặc đột xuất theo yêu cầu; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các ngành, đơn vị, địa phương bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng; hằng năm, tham mưu UBND tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch.

- Hằng năm, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao cho các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương trong năm tiếp theo; phối hợp huy động các nguồn lực xã hội hóa cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Là đầu mối phối hợp với các cơ quan chuyên môn của các bộ, ngành Trung ương để triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch của tỉnh, bảo đảm hiệu quả, thống nhất, đồng bộ.

5. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch hằng năm; tham mưu bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao, bảo đảm đúng tiến độ, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

- Phối hợp huy động nguồn lực xã hội, hợp tác công - tư trong triển khai các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh

- Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, cộng đồng doanh nghiệp, các tầng lớp Nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia thực hiện Kế hoạch, tạo phong trào thi đua sôi nổi, có sức lan tỏa lớn trong toàn xã hội.
- Lồng ghép nội dung đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số vào các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động.
- Tăng cường vai trò giám sát, phản biện xã hội trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nhất là các cơ chế, chính sách tạo điều kiện, động lực cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, hướng tới nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

7. Các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trên địa bàn tỉnh

- Nâng cao chất lượng đào tạo, liên kết với doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà tuyển dụng, các cơ quan nhà nước trong đào tạo nguồn nhân lực, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ; mở các ngành đào tạo mới (chíp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, logistics...).
- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; hình thành, phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh; tăng cường công bố khoa học trên các tạp chí uy tín trong nước, quốc tế; đẩy mạnh khởi nghiệp, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, xây dựng vườn ươm công nghệ trong các viện, trường.
- Đẩy mạnh hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học uy tín trong nước, khu vực để phát triển đội ngũ giảng viên, nhà khoa học; đổi mới chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế, ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo.

8. Hiệp hội doanh nghiệp và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

- Tuyên truyền, vận động, triển khai sâu rộng Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch này đến các hội viên, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, nâng cao nhận thức, trách nhiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức các hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; tham gia tích cực, hiệu quả vào công cuộc chuyển đổi số của tỉnh.
- Đẩy mạnh đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hình thành các tổ chức khởi nghiệp sáng tạo, quỹ đầu tư cho khoa học và công nghệ trong doanh nghiệp.

- Chủ động phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành liên quan xây dựng, triển khai kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

9. Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa

Xây dựng, triển khai kế hoạch tuyên truyền, chuyên trang, chuyên mục nhằm tuyên truyền sâu rộng nội dung, mục đích, ý nghĩa của Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch này, tạo sự đồng thuận, huy động sự tham gia tích cực, chủ động của các tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân trong tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển KHCN, ĐMST và chuyển đổi số (để b/c);
- Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển KHCN, ĐMST, chuyển đổi số và Đề án 06 (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để b/c);
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Công an tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Ngân hàng NN chi nhánh Khu vực 7;
- Thuế tỉnh Thanh Hóa;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Các Trường ĐH, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Văn Cường

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lường	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu; theo dõi, báo cáo
1	Quy mô kinh tế số trong GRDP	%	20%	≥ 25%	≥ 30%	≥ 30%	Thống kê tỉnh
2	Tỷ lệ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	%	≥ 3%	≥ 3%	≥ 3%	≥ 3%	Sở Tài chính
3	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	95%	100%	100%	100%	Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Xây dựng; Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hóa.
4	Số lượng bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI) mỗi năm	Bài báo	150	200	300	500	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình (*)	%	10%	20%	30%	40%	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Số lượng bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo mỗi năm	Bài báo	300	450	700	1.050	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Số lượng tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh	Tổ chức	06	06	06	06	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Số lượng dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh mỗi năm	Dự án	10	20	50	80	Sở Khoa học và Công nghệ
9	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các Viện/Trường.	Tỷ lệ	2%	3,2%	4,8%	6,4%	Sở Khoa học và Công nghệ, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, các Viện/Trường trên địa bàn tỉnh

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lường	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu; theo dõi, báo cáo
10	Số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh	Doanh nghiệp	50	65	80	95	Sở Khoa học và Công nghệ
11	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	99%	99%	99%	99%	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh
12	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn	%	100%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
13	Tỷ lệ các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính quyền số được đưa vào sử dụng thống nhất từ Trung ương đến địa phương theo đúng kế hoạch.	%	100%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
14	Tỷ lệ các sở, ngành, địa phương đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.	%	100%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
15	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của sở, ngành, địa phương được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.	%	100%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
16	Tỷ lệ các sở, ngành, địa phương đạt cấp độ 4 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.	%	100%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
17	Tỷ lệ các sở, ngành, địa phương đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.	%	90%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
18	Tỉ lệ hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.	%	100%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
19	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.	%	100%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
20	Tỷ lệ đội ngũ lãnh đạo quản lý của từng cơ quan, tổ chức có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, kỹ thuật, chuyển đổi số phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.	%	25%	28%	30%	35%	Sở Nội vụ

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lường	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu; theo dõi, báo cáo
21	Tỷ lệ các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ.	%	100%	100%	100%	100%	Công an tỉnh
22	Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước	%	100%	100%	100%	100%	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh
23	Tỷ lệ chế độ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo	%	100%	100%	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh
24	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “ cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời	%	85%	100%	100%	100%	Các sở, ngành cấp tỉnh
25	Tỷ lệ người dân trưởng thành có đủ điều kiện để cài đặt và sử dụng Ứng dụng số Thanh Hóa (ThanhHoa-S)	%	100%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
26	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn	%	100%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
27	Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn (*)	%	15%	50%	80%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
28	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s	%	100%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
29	Có Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh (hoặc thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin), giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống	Trung tâm	Có	Có	Có	Có	Công an tỉnh
30	Hoàn thiện Trung tâm dữ liệu, triển khai kết nối, đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia	Trung tâm dữ liệu	03	03	03	03	Văn phòng Tỉnh ủy; Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ
31	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	100%	100%	100%	100%	Sở Nội vụ

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lường	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu; theo dõi, báo cáo
32	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	100%	100%	100%	100%	Sở Nội vụ
33	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	%	100%	100%	100%	100%	Sở Nội vụ
34	Số người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ĐMST trên 01 vạn dân	Người	12	20	33	54	Sở Khoa học và Công nghệ
35	Thu hút được đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ hàng đầu, hình thành “cụm chuyên gia”	Đội ngũ	Có	Có	Có	Có	Sở Nội vụ
36	Tỷ lệ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...) (*)	%	35%	40%	≥ 80%	90%	Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nội vụ; Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 7
37	Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hoá, xã hội, con người duy trì chỉ số phát triển con người (HDI) (*)	%	0.7	-	-	-	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
38	Số lượng công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu mỗi năm	Công trình	50	80	120	160	Sở Khoa học và Công nghệ
39	Số lượng cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh	Cán bộ	2.500	3.000	3.500	4.000	Sở Khoa học và Công nghệ
40	Số lượng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai mỗi năm	Nhiệm vụ	60	80	120	160	Sở Khoa học và Công nghệ
41	Tỷ lệ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu	%	60%	75%	85%	95%	Sở Khoa học và Công nghệ
42	Số lượng đơn đăng ký sở hữu trí tuệ mỗi năm	Đơn đăng ký	40	80	120	180	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lường	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu; theo dõi, báo cáo
43	Số lượng công trình đạt giải thưởng khoa học và công nghệ quốc gia/khu vực mỗi năm	Công trình	03	05	08	10	Sở Khoa học và Công nghệ
44	Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân	Hệ thống	Có	Có	Có	Có	Các sở, ngành, địa phương
45	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Doanh nghiệp	150	300	500	800	Sở Khoa học và Công nghệ
46	Số lượng vườn ươm/trung tâm đổi mới sáng tạo	Đơn vị	07	12	18	25	Sở Khoa học và Công nghệ
47	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh	%	30%	50%	70%	90%	Sở Khoa học và Công nghệ
48	Số lượng sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa mỗi năm	Sản phẩm	60	150	300	500	Sở Khoa học và Công nghệ
49	Số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh mỗi năm	Công trình	20	50	100	200	Sở Khoa học và Công nghệ
50	Số lượng sáng kiến trong khu vực công được công nhận mỗi năm	Công trình	70	120	180	250	Sở Khoa học và Công nghệ
51	Số lượng dự án khởi nghiệp sáng tạo mỗi năm (*)	Dự án	30-40	40-50	50-60	50-70	Sở Khoa học và Công nghệ
52	Số lượng trung tâm đổi mới sáng tạo trọng điểm trên địa bàn tỉnh thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư (*)	Trung tâm	2-3	3-5	15-20	-	Sở Khoa học và Công nghệ
53	Tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu (*)	%	≥ 20	30	-	-	Sở Công thương
54	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo (*)	%	≥ 25	40	-	-	Sở Khoa học và Công nghệ
55	Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (*)	Thứ bậc	Thuộc nhóm các tỉnh, thành phố ở mức Khá	-	-	-	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lường	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu; theo dõi, báo cáo
56	Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp (*)	Thứ bậc	Đạt trên mức trung bình cả nước	-	-	-	Sở Khoa học và Công nghệ
57	Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh		0.75	0.85	0.92	1,0	Sở Khoa học và Công nghệ
58	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	%	100%	100%	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh
59	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến	%	100%	100%	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh
60	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	%	100%	100%	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh
61	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	100%	100%	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh
62	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	100%	100%	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh
63	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	%	85%	95%	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh
64	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử (*)	%	100%	100%	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh
65	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công (*)	%	80%	-	-	-	Văn phòng UBND tỉnh
66	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công (*)	%	80%	-	-	-	Văn phòng UBND tỉnh
67	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	%	100%	100%	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lường	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu; theo dõi, báo cáo
68	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	100%	100%	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh
69	Dân số từ 15 tuổi trở lên đủ điều kiện có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	95%	100%	100%	100%	Các địa phương
70	Tỷ lệ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	%	70%	90%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh
71	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương	%	85%	100%	100%	100%	Các sở, ngành, và các địa phương
72	Tỷ lệ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh	%	95%	100%	100%	100%	Các sở, ngành, và các địa phương
73	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	%	60%	85%	95%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
74	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	%	85%	95%	100%	100%	Công an tỉnh
75	Tỷ lệ người dân có chữ ký số	%	40%	45%	50%	55%	Các địa phương
76	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử	%	95%	97%	100%	100%	Sở Y tế
77	Tỷ lệ đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất	%	90%	100%	100%	100%	Cấp ủy, chính quyền các cấp
78	Các cơ quan đảng trong tỉnh hoàn thành tốt mục tiêu của đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng (*)	Mức độ hoàn thành	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Văn phòng Tỉnh ủy; Cơ quan UBKT Tỉnh ủy; các Ban của Tỉnh ủy
79	Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh (IOC)	Có	Có	Có	Có	Có	Sở Khoa học và Công nghệ
80	Các hệ thống thông tin trong hệ thống cấp ủy, chính quyền vận hành thông minh (*)	Có	Có	Có	Có	Có	Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng UBND tỉnh

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lường	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu; theo dõi, báo cáo
81	Ứng dụng AI, IoT và Big Data ở mức độ cao trong hệ thống đảng số, chính quyền số giúp xây dựng các hệ thống quản trị thông minh, tự động hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực, tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và dịch vụ công	Có	Có	Có	Có	Có	Các sở, ngành, địa phương
82	Các đô thị vận hành dựa trên dữ liệu, quản trị thông minh, giảm phát thải, sử dụng năng lượng xanh	Đô thị	04	06	08	10	Sở Xây dựng; các địa phương
83	Dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội đạt chuẩn tiên tiến, người dân hưởng thụ môi trường sống hiện đại, an toàn, tiện ích (*)	Có	Có	Có	Có	Có	Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo; Bảo hiểm xã hội Khu vực VI
84	Hội nhập sâu với mạng lưới đô thị thông minh toàn cầu, là điểm đến của hợp tác quốc tế về công nghệ, nghiên cứu, du lịch (*)	Có	Có	Có	Có	Có	Sở Xây dựng; các địa phương
85	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức cao, hướng tới phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương (*)	%	55%	-	-	-	Sở Khoa học và Công nghệ
86	Xếp hạng năng lực cạnh tranh số (*)	Thứ bậc (trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước)	Nhóm 10	-	-	-	Sở Khoa học và Công nghệ
87	Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành các ngành, kết nối, chia sẻ đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia (*)	Dữ liệu	Cơ bản hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Công an tỉnh
88	Xếp hạng về an toàn thông tin mạng	Thứ bậc (so với các tỉnh, thành phố)	≤ 10	≤ 10	≤ 10	≤ 10	Công an tỉnh

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lường	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu; theo dõi, báo cáo
89	Số doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các địa phương trong топ dẫn đầu	Doanh nghiệp	01	03	06	≥ 10	Sở Khoa học và Công nghệ
90	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số	Số doanh nghiệp/ 1.000 dân	0,3	0,5	0,8	1,0	Sở Khoa học và Công nghệ

Phụ lục II
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THỰC HIỆN
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / 2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	NSTW	NS tỉnh	Ghi chú
1	Dự án: Đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hoá hệ thống phòng kiểm định kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, an toàn bức xạ hạt nhân	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 11/2026	118.000	118.000	0	Nhiệm vụ số 1, Phần II, Phụ lục II, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
2	Xây dựng/thuê hạ tầng điện toán đám mây cho cài đặt và lưu trữ dữ liệu của Kho CSDL dùng chung (Big Data, AI)	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 6/2027	150.000	150.000	0	Nhiệm vụ số 2, Phần II, Phụ lục II, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
3	Dự án: Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Thanh Hóa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 8/2026	2.529.000	2.000.000	529.000	Nhiệm vụ số 3, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
4	Dự án: Trung tâm an ninh mạng của tỉnh thực hiện giám sát, ứng cứu sự cố, bảo đảm ATTT cho các cơ quan, đơn vị trong toàn hệ thống chính trị	Công an tỉnh	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 8/2026	400.000	400.000	0	Nhiệm vụ số 4, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
5	Dự án: Xây dựng Trung tâm chỉ huy giám sát, điều hành giao thông; hệ thống camera giám sát an ninh và xử lý vi phạm về TTATGT trên tuyến QL1, đường Hồ Chí Minh, QL 45, QL 47, QL 217, QL 10, QL 15 và một số tuyến đường trọng điểm trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Công an tỉnh	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 12/2026	1.200.000	1.200.000	0	Nhiệm vụ số 5, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	NSTW	NS tỉnh	Ghi chú
6	Dự án: Xây dựng không gian đổi mới sáng tạo tại trường Đại học Hồng Đức	Trường Đại học Hồng Đức	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 3/2027	130.000	130.000	0	Nhiệm vụ số 6, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
7	Dự án: Đầu tư, nâng cấp tổng thể Trung tâm dữ liệu và triển khai các phần mềm dùng chung tại Sở Khoa học và Công nghệ để đảm bảo hoạt động của chính quyền 2 cấp (giai đoạn 2)	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định phê duyệt dự án	Tháng 8/2026	225.000	225.000	0	Nhiệm vụ số 1, Phần II, Phụ lục IV, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
8	Đề án "Chỉnh lý, lưu trữ tài liệu của các cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hoá"	Sở Nội vụ	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 8/2026	1.212.039	0	1.212.039	Nhiệm vụ số 3, Phần II, Phụ lục II, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
9	Nâng cấp hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc cho Văn phòng UBND (bổ sung tính năng xử lý văn bản của Đảng ủy UBND tỉnh; phân hệ Lưu trữ điện tử)	Văn phòng UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 9/2026	995	0	995	Nhiệm vụ số 4, Phần II, Phụ lục II, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
10	Triển khai phần mềm trợ lý ảo cho cán bộ, công chức của Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 9/2026	2.230	0	2.230	Nhiệm vụ số 5, Phần II, Phụ lục II, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
11	Dự án: Đầu tư mua sắm trang thiết bị, phương tiện cho lực lượng đảm bảo an ninh mạng, an toàn thông tin của Công an tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ	Công an tỉnh	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 6/2026	11.400	0	11.400	Nhiệm vụ số 6, Phần II, Phụ lục II, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
12	Xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực tư nhân tiếp cận chính sách phát triển khoa học - công nghệ, đầu tư cho	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 10/2026	34.000	0	34.000	Nhiệm vụ số 7, Phần II, Phụ lục II, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	NSTW	NS tỉnh	Ghi chú
	khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh để nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ							
13	Thành lập Công ty cổ phần Trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tỉnh Thanh Hóa.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 8/2026	42.000	0	42.000	Nhiệm vụ số 8, Phần II, Phụ lục II, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
14	Dự án: Đầu tư, nâng cấp hạ tầng, bổ sung các dịch vụ tích hợp, kết nối, chia sẻ LGSP (trục liên thông văn bản của tỉnh) tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh tại Sở Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2026-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 10/2026	7.000	0	7.000	Nhiệm vụ số 9, Phần II, Phụ lục II, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
15	Triển khai Sàn giao dịch công nghệ - thiết bị tỉnh (định hướng theo hợp tác công tư)	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 12/2026	18.000	0	18.000	Nhiệm vụ số 10, Phần II, Phụ lục II, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
16	Dự án: Dự án tăng cường hạ tầng CNTT cho các sở, ban, ngành và UBND cấp xã giai đoạn 2026-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 9/2027	100.000	0	100.000	Nhiệm vụ số 11, Phần II, Phụ lục II, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
17	Đề án đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp bán dẫn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, định hướng đến năm 2045	Trường Đại học Hồng Đức	Đề án được phê duyệt	Tháng 8/2026	210.407	0	210.407	Nhiệm vụ số 12, Phần II, Phụ lục II, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	NSTW	NS tỉnh	Ghi chú
18	Đề án phát triển Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tại Trường Đại học Hồng Đức	Trường Đại học Hồng Đức	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 11/2026	0	0	0	Nhiệm vụ số 13, Phần II, Phụ lục II, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
19	Dự án: Đầu tư hệ thống trang thiết bị phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu, đào tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng chuyển đổi số toàn diện tại Trường Cao đẳng Nông nghiệp	Trường CĐ Nông nghiệp Thanh Hóa	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 10/2026	25.000	0	25.000	Nhiệm vụ số 14, Phần II, Phụ lục II, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
20	Dự án: Đầu tư trang thiết bị, phần mềm, CSDL phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường CĐ CN	Trường CĐ Công nghiệp Thanh Hóa	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 9/2026	29.850	0	29.850	Nhiệm vụ số 15, Phần II, Phụ lục II, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
21	Dự án: Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng trang thiết bị, các phần mềm nền tảng và triển khai các CSDL phục vụ nghiên cứu và quản lý tại Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 8/2026	50.000	0	50.000	Nhiệm vụ số 16, Phần II, Phụ lục II, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
22	Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống phòng họp không giấy tờ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 10/2026	2.780	0	2.780	Nhiệm vụ số 17, Phần II, Phụ lục II, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
23	Dự án: Xây dựng hệ thống CSDL ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định phê duyệt chủ trương	Quý IV/2026	30.000	0	30.000	Nhiệm vụ số 18, Phần II, Phụ lục II, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
24	Dự án: Số hóa di sản văn hóa và triển khai các ứng dụng công nghệ số trong xây dựng sản phẩm số về văn hóa, du lịch tỉnh Thanh Hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 9/2027	33.000	0	33.000	Nhiệm vụ số 19, Phần II, Phụ lục II, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	NSTW	NS tỉnh	Ghi chú
25	Xây dựng Hệ thống truyền hình trực tuyến kết nối liên thông từ Tỉnh ủy, UBND tỉnh đến Bộ CHQS tỉnh và các đơn vị trực thuộc phục vụ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 9/2026	226.933	0	226.933	Nhiệm vụ số 20, Phần II, Phụ lục II, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
26	Dự án: Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ kiểm tra, giám sát khu vực đường biên, cột mốc, kiểm soát hoạt động của người, phương tiện qua lại khu vực biên giới, vùng biển tỉnh Thanh Hóa	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 9/2026	30.000	0	30.000	Nhiệm vụ số 21, Phần II, Phụ lục II, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
27	Dự án: Nâng cấp hạ tầng thiết bị CNTT cho Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng phục vụ triển khai các phần mềm, ứng dụng của Bộ đội Biên phòng, Bộ Quốc phòng	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 12/2026	30.000	0	30.000	Nhiệm vụ số 22, Phần II, Phụ lục II, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
28	Dự án: Nâng cấp, cải tạo hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ cấp độ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 9/2026	2.900	0	2.900	Nhiệm vụ số 23, Phần II, Phụ lục II, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
29	Nâng cấp sàn thương mại điện tử cấp tỉnh sàn thương mại điện tử cấp tỉnh hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm địa phương, kết nối doanh nghiệp trong nước và quốc tế. (định hướng theo hợp tác công tư)	Sở Công Thương	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 3/2027	2.000	0	2.000	Nhiệm vụ số 24, Phần II, Phụ lục II, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
30	Xây dựng phần mềm và ngành Công Thương tỉnh Thanh Hóa (tích hợp phần mềm và cơ sở dữ liệu hiện có, nâng cấp và bổ sung cơ sở dữ liệu để phục vụ công tác quản lý)	Sở Công thương	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 3/2027	30.000	0	30.000	Nhiệm vụ số 25, Phần II, Phụ lục II, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	NSTW	NS tỉnh	Ghi chú
31	Báo cáo kết quả triển khai Cổng điều phối dữ liệu y tế tập trung và sổ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID	Sở Y tế	Báo cáo kết quả	Tháng 11/2026	0	0	0	Nhiệm vụ số 26, Phần II, Phụ lục II, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
32	Báo cáo kết quả thực hiện việc phát triển hạ tầng số cho các khu vực trọng điểm như: Khu Kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp (Nghi Sơn, Bim Sơn, Lam Sơn - Sao Vàng, Lễ Môn)	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Báo cáo định kỳ	Thường xuyên	0	0	0	Nhiệm vụ số 27, Phần II, Phụ lục II, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
33	Nhiệm vụ số hóa, cập nhật CSDL Quốc gia (20 CSDL), gồm: (1) CSDL tổng hợp quốc gia; (2) CSDL quốc gia về dân cư; (3) CSDL định danh địa điểm; (4) CSDL danh tính điện tử; (5) CSDL quốc gia về xuất nhập cảnh; (6) CSDL quốc gia về xử lý vi phạm hành chính; (7) CSDL quốc gia về trí tuệ nhân tạo; (8) CSDL quốc gia về tài chính; (9) CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; (10) CSDL quốc gia về bảo hiểm; (11) CSDL quốc gia về đất đai; (12) CSDL quốc gia về biến đổi khí hậu; (13) CSDL quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức; (14) CSDL quốc gia về an sinh xã hội; (15) CSDL tài liệu lưu trữ phong lưu trữ nhà nước Việt Nam;	Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh	Kế hoạch của UBND tỉnh	Theo tiến độ của Trung ương	200.000	0	200.000	Nhiệm vụ số 1, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	NSTW	NS tỉnh	Ghi chú
	(16) CSDL quốc gia về thủ tục hành chính; (17) CSDL quốc gia về hoạt động xây dựng; (18) CSDL quốc gia về Y tế; (19) CSDL quốc gia về Giáo dục và đào tạo; (20) CSDL quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập.							
34	Nhiệm vụ xây dựng, số hóa, cập nhật, bổ sung CSDL chuyên ngành của tỉnh, gồm: (1) CSDL ngành Giáo dục và Đào tạo. (2) CSDL ngành Y tế. (3) CSDL ngành Xây dựng. (4) CSDL ngành Nông nghiệp và Môi trường. (5) CSDL ngành Thanh tra. (6) CSDL ngành Tư pháp. (7) CSDL ngành Tài chính. (8) CSDL ngành Nội vụ. (9) CSDL ngành Công an. (10) CSDL ngành Tòa án. (11) CSDL ngành Ngân hàng Ghi chú: CSDL các ngành: Khoa học và Công nghệ, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Công Thương, Dân tộc-Tôn giáo, Văn phòng UBND tỉnh đã đề xuất nhiệm vụ riêng.	Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh	Kế hoạch triển khai được UBND tỉnh phê duyệt	Quý IV/2026	300.000	0	300.000	Nhiệm vụ số 2, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	NSTW	NS tỉnh	Ghi chú
35	Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, hiện đại hoá nền hành chính phục vụ chuyển đổi số tại Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 9/2026	4.500	0	4.500	Nhiệm vụ số 7, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
36	Dự án: Xây dựng Bản sao số doanh trại các đơn vị thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa	Công an tỉnh	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 06/2027	40.000	0	40.000	Nhiệm vụ số 8, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
37	Dự án: Đầu tư trang thiết bị bay không người lái phục vụ công tác đảm bảo an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội	Công an tỉnh	Quyết định phê duyệt dự án	Tháng 7/2026	135.000	0	135.000	Nhiệm vụ số 9, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
38	Tham mưu triển khai việc tích hợp hệ thống camera toàn tỉnh	Công an tỉnh	Kế hoạch của UBND tỉnh	Quý IV/2026	99.000	0	99.000	Nhiệm vụ số 10, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
39	Dự án: Xây dựng Trung tâm dữ liệu về an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Công an tỉnh	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 12/2026	150.000	0	150.000	Nhiệm vụ số 11, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
40	Dự án: Xây dựng và triển khai hệ thống đài truyền thanh thông minh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 9/2026	188.000	0	188.000	Nhiệm vụ số 12, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
41	Triển khai hệ thống Bàn làm việc số và nhân rộng phần mềm KPI phục vụ đánh giá đảng viên, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch của UBND tỉnh	Tháng 9/2026	30.000	0	30.000	Nhiệm vụ số 13, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	NSTW	NS tỉnh	Ghi chú
42	Đề án Chiến lược dữ liệu tỉnh Thanh Hóa	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 10/2026	1.000	0	1.000	Nhiệm vụ số 14, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
43	Thành lập Công ty CP Quỹ đầu tư mạo hiểm tỉnh Thanh Hóa	Sở Khoa học và Công nghệ	Đề án được phê duyệt	Tháng 8/2026	73.000	0	73.000	Nhiệm vụ số 15, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
44	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin: “Hệ thống nền tảng bản đồ số tỉnh Thanh Hóa phục vụ giám sát chỉ đạo, điều hành trực quan dựa trên dữ liệu số”	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch thuê dịch vụ	Tháng 11/2026	35.000	0	35.000	Nhiệm vụ số 16, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
45	Nghiên cứu, đề xuất xây dựng quy hoạch phát triển Khu Kinh tế số và Đổi mới sáng tạo tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030 và định hướng đến năm 2045	Sở Khoa học và Công nghệ	Trình UBND tỉnh Đề án	Quý IV/2026	3.000	0	3.000	Nhiệm vụ số 17, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
46	Triển khai CSDL ngành KHCN Thanh Hóa	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch của UBND tỉnh	Quý IV/2026	9.500	0	9.500	Nhiệm vụ số 18, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
47	Chính sách thu hút, đãi ngộ nhân tài trong lĩnh vực chuyển đổi số; công trình sư, kiến trúc sư đầu ngành của tỉnh Thanh Hóa	Sở Nội vụ	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý IV/2026	500	0	500	Nhiệm vụ số 19, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
48	Dự án: Nâng cấp hạ tầng CNTT đảm bảo an toàn thông tin, hồ sơ theo cấp độ.	Thanh tra tỉnh	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 12/2026	500	0	500	Nhiệm vụ số 20, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	NSTW	NS tỉnh	Ghi chú
49	Mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị điện tử, công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 9/2026	7.900	0	7.900	Nhiệm vụ số 21, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
50	Xây dựng công cụ ứng dụng trí tuệ nhân tạo quản lý biến động sử dụng đất, tài nguyên rừng qua ảnh chụp bằng máy bay không người lái	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 10/2026	7.758	0	7.758	Nhiệm vụ số 22, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
51	Xây dựng phần mềm Quản lý thử nghiệm và chứng nhận chất lượng nông lâm thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 11/2026	4.300	0	4.300	Nhiệm vụ số 23, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
52	Nâng cấp hạ tầng trang thiết bị thông tin cho Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và 13 Viện kiểm sát khu vực để triển khai các phần mềm, ứng dụng của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 8/2026	22.000	0	22.000	Nhiệm vụ số 24, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
53	Dự án: Ứng dụng công nghệ GIS và viễn thám trong quản lý các loại cây trồng nông nghiệp; cảnh báo, dự báo và giám sát sâu bệnh hại; kiểm soát tưới tiêu, phục vụ quản lý sản xuất nông nghiệp.	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 9/2027	12.600	0	12.600	Nhiệm vụ số 25, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
54	Dự án: Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm quản trị và cơ sở dữ liệu số phục vụ chuyển đổi số công tác quản lý điều hành, đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường ĐH Hồng Đức.	Trường Đại học Hồng Đức	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 12/2026	42.000	0	42.000	Nhiệm vụ số 26, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
55	Đề án: Xây dựng thư viện Đại học Hồng	Trường Đại	Quyết định	Tháng	20.000	0	20.000	Nhiệm vụ số 27, Phần

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	NSTW	NS tỉnh	Ghi chú
	Đức thành trở thành Trung tâm tri thức số phục vụ quản lý điều hành, đào tạo và nghiên cứu khoa học	học Hồng Đức	phê duyệt chủ trương	3/2027				II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
56	Dự án: Triển khai hệ thống quản lý thông tin thể thao thành tích cao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 11/2026	3.283	0	3.283	Nhiệm vụ số 28, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
57	Dự án: Trưng bày di sản văn hóa trên không gian số	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 11/2026	45.344	0	45.344	Nhiệm vụ số 29, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
58	Dự án: Nâng cấp hạ tầng CNTT bảo đảm an toàn thông tin, hồ sơ cấp độ và vận hành các cơ sở dữ liệu của ngành Tư pháp	Sở Tư pháp	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 11/2026	5.000	0	5.000	Nhiệm vụ số 30, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
59	Triển khai phần mềm và cập nhật cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực dân tộc và tôn giáo trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Kế hoạch của UBND tỉnh	Theo lộ trình của Trung ương	3.500	0	3.500	Nhiệm vụ số 31, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
60	Dự án: Công tuyển sinh trực tuyến (Xây dựng, triển khai hệ thống tuyển sinh trực tuyến)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 9/2026	15.885	0	15.885	Nhiệm vụ số 32, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
61	Dự án: Nâng cấp, triển khai hệ thống phần mềm và cơ sở dữ liệu quản lý nhà trường, tích hợp quản lý học bạ số	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 9/2026	20.000	0	20.000	Nhiệm vụ số 33, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
62	Tham mưu xây dựng Đề án “Kênh số địa phương”(mỗi xã, phường một kênh bán	Sở Công thương	Quyết định của UBND	Tháng 12/2026	1.000	0	1.000	Nhiệm vụ số 34, Phần II, Phụ lục III, Kế

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	NSTW	NS tỉnh	Ghi chú
	hàng số và truyền thông)		tỉnh					hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
63	Dự án: Chuyển đổi số, xây dựng Toà án điện tử tại Toà án nhân dân hai cấp tỉnh Thanh Hoá	Toà án nhân dân tỉnh	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 9/2026	66.000	0	66.000	Nhiệm vụ số 35, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
64	Dự án: Xây dựng hệ thống các cơ sở dữ liệu ngành Ngoại vụ	Sở Ngoại vụ	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 8/2026	1.546	0	1.546	Nhiệm vụ số 36, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
65	Triển khai Kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, giai đoạn 2026-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch của UBND tỉnh	Tháng 7/2026	400.000	0	400.000	Nhiệm vụ số 37, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
66	Nâng cấp phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc, bổ sung các chức năng, tính năng theo mô hình chính quyền 02 cấp; tích hợp công nghệ trí tuệ nhân tạo để tối ưu, hỗ trợ người dùng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 8/2027	5.000	0	5.000	Nhiệm vụ số 38, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
67	Nâng cấp Cổng dữ liệu mở của tỉnh đáp ứng yêu cầu cung cấp dữ liệu mở cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác khai thác, sử dụng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 5/2027	4.000	0	4.000	Nhiệm vụ số 39, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
68	Xây dựng/Thuê dịch vụ công nghệ thông tin: "Xây dựng tích hợp các ứng dụng dùng chung tỉnh Thanh Hóa lên App Ứng dụng số Thanh Hóa (ThanhHoaS)	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định phê duyệt /Kế hoạch thuê dịch vụ	Tháng 7/2027	25.000	0	25.000	Nhiệm vụ số 40, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	NSTW	NS tỉnh	Ghi chú
69	Tham mưu cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch được ban hành	Thường xuyên	0	0	0	Nhiệm vụ số 41, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
70	Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng	Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp.	Báo cáo kết quả	Thường xuyên	0	0	0	Nhiệm vụ số 42, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
71	Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số	Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp.	Báo cáo kết quả	Theo thời gian các Bộ, ngành	0	0	0	Nhiệm vụ số 43, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
72	Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia; các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp.	Báo cáo kết quả	Tháng 6/2026	0	0	0	Nhiệm vụ số 44, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
73	Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp.	Báo cáo kết quả	Tháng 12/2026	0	0	0	Nhiệm vụ số 45, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
74	Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của đất nước để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết	Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp.	Báo cáo kết quả	Thường xuyên	0	0	0	Nhiệm vụ số 46, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	NSTW	NS tỉnh	Ghi chú
75	Xây dựng chương trình chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên truyền hình, phát thanh và mạng xã hội.	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Báo cáo kết quả	Thường xuyên	0	0	0	Nhiệm vụ số 47, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
76	Tham mưu chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.	Sở Nội vụ	Chương trình, kế hoạch được ban hành	Thường xuyên	0	0	0	Nhiệm vụ số 48, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
77	Tham mưu bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước.	Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo.	Báo cáo kết quả	Thường xuyên	0	0	0	Nhiệm vụ số 49, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
78	- Thực hiện việc đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp. - Triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.	Trung tâm PV HCC tỉnh tổng hợp, báo cáo.	Báo cáo kết quả	Thường xuyên	0	0	0	Nhiệm vụ số 50, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
79	Các sở, ngành, đơn vị tập trung số hóa dữ liệu, tăng cường khai thác ứng dụng, dữ liệu và cắt giảm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực: tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai.	Trung tâm PV HCC tỉnh tổng hợp, báo cáo.	Báo cáo kết quả	Thường xuyên	0	0	0	Nhiệm vụ số 51, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	NSTW	NS tỉnh	Ghi chú
80	Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.	Sở Công thương	Quyết định số của UBND tỉnh	Tháng 7/2026	0	0	0	Nhiệm vụ số 52, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
81	Triển khai kết nối, liên thông với Hệ thống điều phối dữ liệu y tế để liên thông dữ liệu với các Bệnh viện tuyến Trung ương (Bệnh viện Bạch Mai)	Sở Y tế	Báo cáo kết quả	Tháng 11/2026	0	0	0	Nhiệm vụ số 53, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
82	Triển khai Hệ thống Giám sát, theo dõi, cập nhật tiến độ, tình hình triển khai thực hiện các Nghị quyết chiến lược của Trung ương và các Kế hoạch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch thuê dịch vụ	Tháng 10/2026	6.000	0	6.000	Nhiệm vụ số 54, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
83	Kết quả triển khai Đề án đô thị thông minh	Sở Xây dựng chủ trì tổng hợp.	Báo cáo kết quả	Tháng 6/2028	0	0	0	Nhiệm vụ số 55, Phần II, Phụ lục III, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
84	Dự án: Đầu tư, nâng cấp mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến phục vụ hoạt động của cấp ủy, chính quyền địa phương 2 cấp	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 12/2026	126.300	0	126.300	Nhiệm vụ số 2, Phần II, phụ lục IV, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
85	Dự án: Xây dựng Thư viện số tỉnh Thanh Hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định phê duyệt chủ trương	Tháng 12/2026	47.000	0	47.000	Nhiệm vụ số 3, Phần II, phụ lục IV, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
86	Dự án: Nâng cấp Trang thông tin điện tử	Sở Văn hóa,	Quyết định	Tháng	8.686	0	8.686	Nhiệm vụ số 4, Phần II,

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	NSTW	NS tỉnh	Ghi chú
	thanhnhaho.vn của Di sản Thành Nhà Hồ phục vụ công tác quảng bá, tuyên truyền và phát huy giá trị di sản.	Thể thao và Du lịch	phê duyệt chủ trương	6/2027				phụ lục IV, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026
	Tổng cộng				9.051.636	4.223.000	4.828.636	

Phụ lục III
DANH MỤC NHIỆM VỤ DỪNG THỰC HIỆN
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Lý do dừng	Ghi chú
1	Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026-2030 (cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề truyền thống,...)	Sở Khoa học và Công nghệ	Nhiệm vụ số 1, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
2	Xây dựng chính sách đột phá hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo (phát triển doanh nghiệp KH&CN; phát triển nhóm nghiên cứu mạnh; các bài báo khoa học (Scopus/ISI); các công trình đạt giải thưởng KH&CN quốc gia/khu vực; các công bố khoa học quốc tế; các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; các sáng chế, giải pháp hữu ích; các bài báo khoa học ứng dụng liên quan ĐMST,...)	Sở Khoa học và Công nghệ	Nhiệm vụ số 2, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
3	Chương trình khung và danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ưu tiên thực hiện trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2025-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Nhiệm vụ số 3, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
4	Dự án: Ứng dụng các giải pháp về chuyển đổi số, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc để tăng cường công tác quản lý nhà nước về năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá	Sở Khoa học và Công nghệ	Nhiệm vụ số 4, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
5	Dự án: Xây dựng phần mềm và CSDL tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, an toàn bức xạ hạt nhân.	Sở Khoa học và Công nghệ	Nhiệm vụ số 5, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
6	Đề án xây dựng vườn ươm khởi nghiệp, không gian sáng tạo (co-working space) của một số đơn vị trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Nhiệm vụ số 6, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
7	Xây dựng kế hoạch đầu tư công về phát triển khoa học,	Sở Tài chính	Nhiệm vụ số 7, Phần II, Phụ lục V, Kế	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Lý do dừng	Ghi chú
	công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030		hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
8	Dự án: Tăng cường an toàn, an ninh mạng phục vụ kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia dân cư và phát triển hạ tầng kỹ thuật đảm bảo cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho cơ sở.	Công an tỉnh	Nhiệm vụ số 8, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
9	Dự án: Triển khai giải pháp sinh trắc tại sân bay Sao Vàng tỉnh Thanh Hóa	Công an tỉnh	Nhiệm vụ số 9, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
10	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và số 708/BTTTT-CATTT của Bộ Khoa học và Công nghệ; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ.	Công an tỉnh	Nhiệm vụ số 10, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
11	Đầu tư xây dựng Trung tâm dữ liệu, an ninh mạng của tỉnh đảm bảo kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia, phục vụ người dân, doanh nghiệp và công tác chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền	Công an tỉnh	Nhiệm vụ số 11, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
12	Dự án: Triển khai triển khai thí điểm Cổng ký số từ xa tập trung trên nền tảng định danh và xác thực điện tử VNeID là công cụ cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện giao dịch trên môi trường điện tử	Công an tỉnh	Nhiệm vụ số 12, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
13	Kế hoạch triển khai định danh tổ chức, doanh nghiệp và kinh tế hộ gia đình (đăng ký mới) đảm bảo tính hợp pháp, xác thực và minh bạch của danh tính, cần thiết gắn việc đăng ký doanh nghiệp với đăng ký tài khoản định danh tổ chức, đăng ký tài khoản ngân hàng cho tổ chức, doanh nghiệp	Công an tỉnh	Nhiệm vụ số 13, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Lý do dừng	Ghi chú
14	Kế hoạch số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai,...	Công an tỉnh	Nhiệm vụ số 14, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
15	Dự án: Xây dựng bộ công cụ sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cho các hệ thống hỗ trợ giám sát an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường tại một số vị trí quan trọng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Trường Đại học Hồng Đức	Nhiệm vụ số 15, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
16	Dự án: Đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Hồng Đức (*)	Trường Đại học Hồng Đức	Nhiệm vụ số 16, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
17	Thành lập khu công nghệ cao/khu công nghệ thông tin tập trung	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Nhiệm vụ số 17, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
18	Đề án xây dựng Cảng logistic thông minh tại Khu Kinh tế Nghi Sơn	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Nhiệm vụ số 18, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
19	Dự án: Xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng số (quản trị dữ liệu, sử dụng nền tảng số,...) cho lãnh đạo các cấp	Sở Nội vụ	Nhiệm vụ số 19, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
20	Đề án chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ và trọng dụng nhân lực chuyển đổi số làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù	Sở Nội vụ	Nhiệm vụ số 20, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
21	Dự án: Xây dựng sàn giao dịch việc làm; nền tảng hợp đồng lao động điện tử	Sở Nội vụ	Nhiệm vụ số 21, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
22	(1) Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng suất lao động và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động hành chính công của tỉnh gắn với trả lương theo vị trí việc làm; (2) Xây dựng và triển khai các phương pháp quản trị hiện đại, kết hợp ứng dụng phần mềm đánh giá năng suất, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức nhằm	Sở Nội vụ	Nhiệm vụ số 22, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Lý do dừng	Ghi chú
	nâng cao hiệu quả làm việc của đội ngũ cán bộ trong toàn hệ thống hành chính công của tỉnh			
23	Đề án thành lập Trung tâm tư vấn, chuyển giao KHCN và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Trường Cao đẳng Nông nghiệp	Trường CĐ Nông nghiệp Thanh Hóa	Nhiệm vụ số 23, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
24	Đề án: Chuyển giao, ứng dụng kỹ thuật cao, kỹ thuật mới, kỹ thuật chuyên sâu tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	Nhiệm vụ số 24, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
25	Kế hoạch triển khai định danh nhà thuốc trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	Nhiệm vụ số 25, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
26	Dự án "Đầu tư trang thiết bị, nâng cấp phần mềm, cập nhật, số hoá dữ liệu Kho lưu trữ điện tử ngành Nông nghiệp và Môi trường"	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhiệm vụ số 26, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
27	Dự án: Xây dựng, nâng cấp, tích hợp hoàn thiện hệ thống thông tin và Cơ sở dữ liệu quản lý lĩnh vực nông nghiệp và môi trường tỉnh Thanh Hóa, kết nối liên thông với các Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu Quốc gia, các sở, ngành trong tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhiệm vụ số 27, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
28	Dự án: Ứng dụng IOT xây dựng hệ thống giám sát mực nước hồ chứa phục vụ cảnh báo thiên tai, giám sát an toàn vận hành hồ chứa; giám sát xâm nhập mặn hỗ trợ công tác vận hành công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhiệm vụ số 28, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
29	Dự án: Xây dựng bản đồ nông hóa phục vụ thâm canh chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quản lý sử dụng bền vững tài nguyên đất sản xuất nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhiệm vụ số 29, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
30	Dự án: (1) Đầu tư trang thiết bị, phần mềm phục vụ các nhiệm vụ chuyển đổi số (quản lý, chỉ huy, điều hành tác chiến trên cơ sở ứng dụng dữ liệu số, công nghệ số và trên môi trường số); số hóa tài liệu, chuyển nhận văn	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Nhiệm vụ số 30, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Lý do dừng	Ghi chú
	bản từ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đến Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã và các đơn vị trực thuộc; xây dựng và triển khai phần mềm quản lý hồ sơ điện tử phục vụ công tác chính sách hậu phương quân đội, thương binh, liệt sĩ và người có công do quân đội quản lý, giai đoạn 2025-2030; (2) Ứng dụng phương tiện bay không người lái vào công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.			
31	Dự án: Xây dựng hệ thống giao ban trực tuyến từ Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh đến các đơn vị trực thuộc	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Nhiệm vụ số 31, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
32	Dự án: Xây dựng cơ sở dữ liệu về chuyên gia, trí thức Thanh Hóa ở nước ngoài nhằm tiếp cận, phát huy, kết nối hiệu quả và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước; xây dựng phần mềm và CSDL ngành Ngoại vụ tỉnh Thanh Hóa	Sở Ngoại vụ	Nhiệm vụ số 32, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
33	Dự án: Xây dựng phần mềm và CSDL quản lý kho bài giảng trực tuyến, học liệu số dùng chung; công tuyển sinh trực tuyến	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhiệm vụ số 33, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
34	Dự án: Ứng dụng Công nghệ thông tin nâng cao chất lượng giảng dạy và quản lý giáo dục (giai đoạn 2)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhiệm vụ số 34, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
35	Dự án: Xây dựng CSDL và phần mềm quản lý về kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh (*)	Sở Xây dựng	Nhiệm vụ số 35, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
36	Dự án: Xây dựng phần mềm và các CSDL quản lý công tác quy hoạch đô thị	Sở Xây dựng	Nhiệm vụ số 36, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
37	Dự án: Xây dựng phần mềm và các CSDL ngành Dân tộc và Tôn giáo	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Nhiệm vụ số 37, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	
38	Dự án: Xây dựng phần mềm Tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại tố cáo	Thanh tra tỉnh	Nhiệm vụ số 38, Phần II, Phụ lục V, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Lý do dừng	Ghi chú
39	Đầu tư nâng cấp, thay thế, mở rộng, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống kiểm soát an ninh cơ sở giam giữ trong Công an Thanh Hóa	Công an tỉnh	Bộ Công an triển khai tập trung	Nhiệm vụ số 121, Phụ lục II, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh
40	Triển khai Bệnh án điện tử tại Bệnh viện Công an tỉnh Thanh Hóa	Công an tỉnh	Bộ Công an chủ trì đầu tư một số hạng mục cơ bản, trang thiết bị, phần mềm còn lại sẽ mua sắm từ nguồn kinh phí của Công an tỉnh	Nhiệm vụ số 122, Phụ lục II, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh
41	Hệ thống báo cáo thống kê thông minh	Công an tỉnh	Bộ Công an triển khai tập trung	Nhiệm vụ số 123, Phụ lục II, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh
42	Triển khai rà soát, làm sạch dữ liệu của cá nhân, người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp đăng ký, thành lập trong lĩnh vực hóa chất	Sở Công Thương	Thực hiện Nghị quyết 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ và các nhiệm vụ liên quan đến định danh điện tử nhằm nâng cao công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực mua bán, bảo quản, lưu trữ, vận chuyển hóa chất giai đoạn 2025 – 2026, Cục Hóa chất và C06 đã phối hợp triển khai thí điểm và công bố hệ thống định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất, tiền chất trên nền tảng VNeID (hệ thống VNIDCHECK) từ ngày 16/10/2025 và có Công văn số 2335/HC-VP ngày 28/11/2025 về việc triển khai thí điểm hệ thống. Sở Công Thương đã triển khai cho tổ chức, doanh nghiệp hoạt động hóa chất trên địa bàn thực hiện thử nghiệm tại Công	Nhiệm vụ số 125, Phụ lục II, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Lý do dừng	Ghi chú
			văn số 4369/SCT-QLCN ngày 17/12/2025. Do đây là nhiệm vụ thường xuyên thuộc lĩnh vực quản lý và thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công Thương nên Sở Công Thương đề nghị không đưa nhiệm vụ vào Kế hoạch của UBND tỉnh.	
43	Triển khai cấp tài khoản định danh tổ chức và thí điểm kết nối với Cục hóa chất để sử dụng tài khoản định danh của tổ chức để thực hiện các giao dịch mua bán hóa chất	Sở Công Thương	Thực hiện Nghị quyết 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ và các nhiệm vụ liên quan đến định danh điện tử nhằm nâng cao công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực mua bán, bảo quản, lưu trữ, vận chuyển hóa chất giai đoạn 2025 – 2026, Cục Hóa chất và C06 đã phối hợp triển khai thí điểm và công bố hệ thống định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất, tiền chất trên nền tảng VNeID (hệ thống VNIDCHECK) từ ngày 16/10/2025 và có Công văn số 2335/HC-VP ngày 28/11/2025 về việc triển khai thí điểm hệ thống. Sở Công Thương đã triển khai cho tổ chức, doanh nghiệp hoạt động hóa chất trên địa bàn thực hiện thử nghiệm tại Công văn số 4369/SCT-QLCN ngày 17/12/2025. Do đây là nhiệm vụ thường xuyên thuộc lĩnh vực quản lý và thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công Thương nên Sở Công Thương đề nghị không đưa nhiệm vụ vào Kế hoạch của UBND tỉnh.	Nhiệm vụ số 126, Phụ lục II, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh
44	Phổ cập giáo dục, xoá mù chữ	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư số 35/2018/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục,	Nhiệm vụ số 134, Phụ lục II, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Lý do dừng	Ghi chú
			xóa mù chữ. Trong đó, Hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ được thiết lập, vận hành và hoạt động trên Internet tại địa chỉ pcgd.moet.gov.vn .	tỉnh
45	Quản lý thiết bị dạy học	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ Tài Chính đang triển khai phần mềm Tổng kiểm kê tài sản công.	Nhiệm vụ số 135, Phụ lục II, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh
46	Nâng cấp Hệ thống quản lý CSDL công chứng tỉnh Thanh Hoá	Sở Tư pháp	Triển khai theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp	Nhiệm vụ số 148, Phụ lục II, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh
47	Xây dựng CSDL và phần mềm phục vụ công tác thu NSNN trên địa bàn tỉnh	Chi cục thuế	Tổng cục thuế sẽ triển khai tập trung toàn quốc	Nhiệm vụ số 152, Phụ lục II, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh
48	Dự án Xây dựng phần mềm Quản lý kế hoạch thanh tra, giám sát Đoàn thanh tra, xử lý sau thanh tra (*)	Thanh tra tỉnh	Thanh tra chính phủ triển khai tập trung toàn quốc; Công văn số 19120/UBND-CNXXDKH ngày 03/11/2025 về thống nhất dừng 2 nhiệm vụ của Thanh tra tỉnh.	Nhiệm vụ số 155, Phụ lục II, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh
49	Triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS) bồi dưỡng tập huấn giáo viên hàng năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ngày 23/01/2026, Sở Tài chính có Công văn số 830/STC-KTN và đề nghị "việc mua sắm tài khoản hệ thống tập huấn trực tuyến chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho cán bộ quản lý, giáo viên giai đoạn 2025-2030, hàng năm trên nhu cầu thực tế, Sở Giáo	Nhiệm vụ số 156, Phụ lục II, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Lý do dừng	Ghi chú
			dục và Đào tạo xây dựng nhiệm vụ và dự toán mua sắm để triển khai thực hiện theo quy định".	
50	Thử nghiệm Robot thăm dò đáy biển	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cục Thủy sản và Kiểm ngư nhận định Dự án được xác định là chưa nằm trong trọng tâm của “Chiến lược quốc gia chuyển đổi số” hay Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Quyết định 2151/QĐ-BNNPTNT ngày 15/6/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) là phát triển nền tảng và dữ liệu số. Bên cạnh đó, đây là sáng kiến công nghệ cao mang tính mới nhưng không phải nhu cầu cấp bách tại địa phương, tính thực tiễn thấp hơn so với các dự án khác (<i>tại Công văn số 1443/TSKN-TTTSKN ngày 28/7/2025 của Cục Thủy sản và Kiểm ngư</i>).	Nhiệm vụ số 157, Phụ lục II, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh
51	Dự án “Xây dựng hệ thống quản lý thông tin thủy lợi tổng hợp tại lưu vực sông Mã - miền Trung Việt Nam (tỉnh Thanh Hóa)”	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đây là Dự án do Bộ Nông nghiệp và PTNT (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) theo Quyết định số 2736/QĐBNN-TL ngày 06/8/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã và đang thực hiện đầu tư.	Nhiệm vụ số 158, Phụ lục II, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh
52	Xây dựng Hệ thống quản lý, theo dõi thông tin về các dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Môi trường đang thực hiện việc “Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Thanh Hóa”; trong đó, có tích hợp các nội dung liên quan đến hệ thống thông tin dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh theo nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch	Nhiệm vụ số 159, Phụ lục II, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Lý do dừng	Ghi chú
			số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025	
53	Dự án chỉnh lý tài liệu nền giấy lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường nhằm giúp sắp xếp, điều chỉnh, hệ thống hóa hồ sơ tài liệu sau sáp nhập Sở, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm, sử dụng thông tin, giúp xác định giá trị tài liệu và phân loại tài liệu, từ đó có kế hoạch bảo quản, sử dụng phù hợp, giảm rủi ro mất mát và hư hỏng tài liệu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ngày 31/10/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức hội nghị làm việc với Sở Nội vụ, Công an tỉnh nhằm rà soát, đánh giá lại dự án, nhiệm vụ. Trên cơ sở các nội dung hội nghị, thống nhất việc tích hợp dự án và nhiệm vụ do Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất vào Đề án "Chỉnh lý, số hoá và lưu trữ tài liệu của các cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hoá" do Sở Nội vụ chủ trì.	Nhiệm vụ số 160, Phụ lục II, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh
54	Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo xây dựng cơ sở dữ liệu loài động vật, thực vật ưu tiên bảo tồn, có giá trị kinh tế cao, phục vụ công tác giám sát, quản lý và phát triển du lịch sinh thái thông minh tại Vườn Quốc gia Bến En"	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Dự án thiếu tính khả thi	Nhiệm vụ số 161, Phụ lục II, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh
55	Xây dựng, áp dụng phần mềm định danh, truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm nông lâm thủy sản; kết hợp tích hợp, nâng cấp phần mềm “Kết nối cung cầu sản phẩm nông sản, thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tại Công văn số 1036/CCPT-KHTC ngày 24/7/2025 của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường trả lời: “Dự án dự kiến triển khai của Quý Sở có sự trùng lặp với 02 nhiệm vụ mà Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao Cục Chuyển đổi số, Cục CCPT triển khai.	Nhiệm vụ số 165, Phụ lục II, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh
56	Xây dựng phần mềm quản lý hoạt động chứng nhận sản phẩm và chứng nhận các hệ thống quản lý	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Gộp với nhiệm vụ số 50; vì hai hoạt động này có mối liên hệ chặt chẽ, bổ trợ lẫn nhau trong chuỗi quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản. Kết quả thử nghiệm là căn cứ quan trọng phục vụ quá trình đánh giá, cấp chứng nhận và ngược lại.	Nhiệm vụ số 167, Phụ lục II, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh
57	Nghiên cứu xây dựng phần mềm có ứng dụng AI trong nhận diện nhanh động thực vật nguy cấp, quý hiếm và	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Dự án có nguy cơ trùng lặp, gây lãng phí ngân sách	Nhiệm vụ số 171, Phụ lục II, Kế hoạch số

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Lý do dừng	Ghi chú
	phổ biến có phân bố tại Khu BTTN Pù Hu			101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh
58	Ứng dụng khoa học và công nghệ trong áp dụng hệ thống giám sát tuần tra bảo vệ rừng Online góp phần tăng cường hoạt động bảo vệ rừng tại Khu BTTN Pù Hu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Dự án có nguy cơ trùng lặp, gây lãng phí ngân sách	Nhiệm vụ số 173, Phụ lục II, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh
59	Ứng dụng các công nghệ của công nghiệp 4.0 (trí tuệ nhân tạo, thực tại ảo...) xây dựng hệ thống giám sát hỗ trợ bảo tồn loài động thực vật rừng quý hiếm, nguy cấp tại Vườn Quốc gia Xuân Liên và các Khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Dự án có nguy cơ trùng lặp, gây lãng phí ngân sách	Nhiệm vụ số 175, Phụ lục II, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh
60	Nền tảng số quản lý rừng, đất rừng tại các Ban quản lý rừng phòng hộ và Vườn Quốc gia, Khu bảo tồn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đã đề xuất dừng tại công văn số 17229/SNNMT-KL ngày 23/12/2025; UBND tỉnh đã đồng ý cho dừng triển khai thực hiện	Nhiệm vụ số 176, Phụ lục II, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh
61	Phần mềm báo cáo kế hoạch thu, chi ngân sách nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Dự án thiếu tính khả thi	Nhiệm vụ số 177, Phụ lục II, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh
62	Hệ thống cảnh báo và phòng cháy chữa cháy rừng thông minh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trùng lặp với các hạ tầng, giải pháp đã được ngành Kiểm lâm đầu tư và triển khai trên địa bàn toàn tỉnh (tại Công văn số 8761/SNNMT-KL ngày 30/7/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường).	Nhiệm vụ số 179, Phụ lục II, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh
63	Nền tảng số quản lý chi trả dịch vụ môi trường rừng và hỗ trợ sinh kế vùng đệm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Dự án thiếu tính khả thi	Nhiệm vụ số 180, Phụ lục II, Kế hoạch số

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Lý do dừng	Ghi chú
				101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh
64	Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành thủy sản cấp tỉnh phục vụ quản lý và phát triển bền vững, tạo hệ thống cơ sở dữ liệu số dùng chung phục vụ công tác quản lý nhà nước.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cục Thủy sản và Kiểm ngư nhận định (<i>tại Công văn số 1443/TSKN-TTTSKN ngày 28/7/2025 của Cục Thủy sản và Kiểm ngư</i>) dự án này có nguy cơ trùng lặp rất cao với hệ thống Cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (VNFishbase).	Nhiệm vụ số 181, Phụ lục II, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh
65	Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ số trong nuôi trồng thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Dự án thiếu tính khả thi	Nhiệm vụ số 182, Phụ lục II, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh
66	Ứng dụng công nghệ 4.0 quản lý tàu cá và sản lượng thủy sản ở cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cục Thủy sản và Kiểm ngư khẳng định (<i>tại Công văn số 1443/TSKN-TTTSKN ngày 28/7/2025 của Cục Thủy sản và Kiểm ngư</i>) việc địa phương xây dựng phần mềm và nền tảng quản lý tàu cá riêng là không đúng thẩm quyền theo quy định tại Nghị định 37/2024/NĐ-CP.	Nhiệm vụ số 183, Phụ lục II, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh
67	Ứng dụng viễn thám và trí tuệ nhân tạo trong giám sát và quản lý rừng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Dự án thiếu tính khả thi	Nhiệm vụ số 184, Phụ lục II, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh
68	Dự án: Xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.	Sở Tư pháp	“Điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 66.9/2025/NQCP giao Bộ Công an có trách nhiệm “xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính tập trung, thống nhất, dùng chung trên toàn	Nhiệm vụ số 01, tại Phụ lục II, Kế hoạch 203/KH-UBND ngày 18/9/2025

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Lý do dừng	Ghi chú
			quốc"	
69	Xây dựng Trung tâm dữ liệu dùng chung để kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu số cho Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và 13 Viện kiểm sát khu vực.	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	Dừng vì triển khai chung	Nhiệm vụ số 7, Phụ lục II, Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 18/9/2025
70	Dự án: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong đánh giá tiềm năng đất đai và xây dựng bản đồ thích nghi cây trồng chủ lực tỉnh Thanh Hóa.	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Dự án có sự trùng lặp, tương đồng cao với các nhiệm vụ: Xây dựng bản đồ nông hóa phục vụ thâm canh chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quản lý sử dụng bền vững tài nguyên đất sản xuất nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa và Xây dựng Hệ thống bản đồ nông hóa tỉnh Thanh Hóa đã và đang được triển khai thực hiện	Nhiệm vụ số 11, Phụ lục II, Kế hoạch số 203/KH-UBND tỉnh ngày 18/9/2025
71	Đề án: Xây dựng thí điểm nền tảng quản lý Viện nông nghiệp thông minh bằng công nghệ số.	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Triển khai Đề án Phát triển Viện Nông nghiệp Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến 2045	Nhiệm vụ số 13, Phụ lục II, Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 18/9/2025
72	Số hóa thông tin, dữ liệu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cập nhật vào phần mềm quản lý và vận hành, cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Thanh Hóa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đã thực hiện chiến dịch số hóa dữ liệu theo Kế hoạch số 197/KH-UBND của UBND tỉnh	Nhiệm vụ số 17, Phụ lục II, Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 18/9/2025
73	Dự án Đầu tư hệ thống hội nghị trực tuyến kết nối đến Công an cấp xã phục vụ công tác chỉ đạo đảm bảo an ninh trật tự và hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp	Công an tỉnh	Bộ Công an triển khai tập trung toàn quốc	Nhiệm vụ số 18, Phụ lục II, Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 18/9/2025